



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

P1702 - Tầng 17 - Tòa nhà 29T2 Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: (844) 6 2512 482 Fax: (844) 6 2512 821 www.vfa.com.vn

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CẤP NƯỚC LAI CHÂU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CẤP NƯỚC LAI CHÂU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UB ngày 31/03/2004 của Ủy ban nhân dân Lâm thời tỉnh Lai Châu.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2304000002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần thứ nhất ngày 01/03/2006, thay đổi lần hai ngày 11/08/2014.

Trụ sở chính : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 22 Phường Đông Phong - Thành phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Cử	Giám đốc (Miễn nhiệm 01/04/2014)
Ông Vi Văn Chung	Giám đốc (Bỏ nhiệm 01/04/2014)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được Công ty TNHH Kiểm toán VFA kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Vì Văn Chung

Giám đốc

Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2014



Số: /2014/ VFA - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu, được lập ngày 25/11/2014, từ trang 05 đến trang 17 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công việc kiểm toán của chúng tôi nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành và các công trình đang trong quá trình đầu tư. Việc này chỉ được thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Chúng tôi không tham gia quan sát công tác kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định, các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 do được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên của Công ty sau ngày này, theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang được trình bày trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2012 của Công ty.

Số dư công nợ phải thu và phải trả tại ngày 31/12/2012 chưa được Công ty đối chiếu đầy đủ. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa giúp chúng tôi thu thập đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu và ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Công ty chưa tiến hành kiểm kê khối lượng dở dang cuối kỳ. Việc xác định khối lượng dở dang cuối kỳ dựa trên cơ sở ước tính các chi phí theo dự toán của các hợp đồng đang thực hiện dở dang. Dựa trên cơ sở đó, giá vốn được xác định để ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoạt động. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về các ước tính về giá trị dở dang cuối kỳ và giá vốn ghi nhận trong năm nêu trên.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ liên quan tới các xử lý kế toán được thực hiện vào khoản mục Thu nhập khác, Chi phí khác trong năm. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng liên quan đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các nội dung hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Xuân Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐK hành nghề kiểm toán
số 1317 - 2013 - 154 - 1



Đỗ Quốc Bảo

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐK hành nghề kiểm toán
số 1373 - 2013 - 154 - 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		32.281.158.198	34.524.529.083
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	74.006.742	1.402.982.824
1. Tiền	111		74.006.742	1.402.982.824
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.587.837.694	5.416.267.002
1. Phải thu khách hàng	131		5.718.201.285	3.814.395.498
2. Trả trước cho người bán	132		1.533.633.137	1.473.876.353
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	336.003.272	127.995.151
IV- Hàng tồn kho	140		22.526.040.425	24.618.533.292
1. Hàng tồn kho	141	5.3	22.526.040.425	24.618.533.292
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.093.273.337	3.086.745.965
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	531.296.297	775.478.559
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.5	669.314.044	988.149.477
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		168.583.006	165.700.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	724.079.990	1.157.417.929
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		65.726.974.147	63.208.667.585
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		65.647.724.193	63.208.667.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	31.078.194.360	33.077.010.296
- Nguyên giá	222		42.542.673.532	41.862.993.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.464.479.172)	(8.785.983.019)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	34.569.529.833	30.131.657.289
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		79.249.954	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		79.249.954	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		98.008.132.345	97.733.196.668

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		35.895.724.003	33.415.759.738
I- Nợ ngắn hạn	310		21.719.724.003	22.079.143.814
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	800.000.000	890.000.000
2. Phải trả người bán	312		7.713.214.285	7.582.422.329
3. Người mua trả tiền trước	313		3.509.829.471	5.060.767.151
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	-	4.910.192
5. Phải trả người lao động	315		6.163.031.350	2.148.724.739
6. Chi phí phải trả	316	5.11	130.439.381	2.211.976.570
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	3.680.801.739	4.330.585.056
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(277.592.223)	(150.242.223)
II- Nợ dài hạn	330		14.176.000.000	11.336.615.924
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	14.176.000.000	11.200.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	136.615.924
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		62.112.408.342	64.317.436.930
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	62.112.408.342	64.317.436.930
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.007.514.870	25.007.514.870
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.074.719	33.074.719
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		73.342.049	73.342.049
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.997.940.203)	(3.694.548.615)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		42.996.416.907	42.898.053.907
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		98.008.132.345	97.733.196.668

Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đỗ Thúy An



Đỗ Thúy An



Vì Văn Chung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		22.858.740.722	10.824.137.086
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		30.909.090	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	22.827.831.632	10.824.137.086
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	19.394.549.752	8.075.434.606
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.433.281.880	2.748.702.480
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	5.511.462	6.567.572
7. Chi phí tài chính	22	5.18	216.532.153	117.465.555
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		216.532.153	117.465.555
8. Chi phí bán hàng	24		94.078.160	154.120.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	3.074.879.028	2.475.770.443
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		53.304.001	7.914.054
11. Thu nhập khác	31	5.20	2.536.791.419	2.632.037.977
12. Chi phí khác	32	5.20	4.676.968.008	6.291.481.336
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(2.140.176.589)	(3.659.443.359)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(2.086.872.588)	(3.651.529.305)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(2.086.872.588)	(3.651.529.305)

Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đỗ Thúy An

Đỗ Thúy An



Vì Văn Chung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.086.872.588)	(3.651.529.305)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.678.496.153	3.355.301.784
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.511.462)	(6.567.572)
- Chi phí lãi vay	06	216.532.153	117.465.555
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	802.644.256	(185.329.538)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.265.374.299)	1.858.074.326
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.092.492.867	(2.634.305.652)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(142.069.811)	3.803.656.510
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	164.932.308	91.459.850
- Tiền lãi vay đã trả	13	(216.532.153)	(117.465.555)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.793.198)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.428.299.970	2.816.089.941
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.918.787.514)	(2.323.771.256)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.511.462	6.567.572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.913.276.052)	(2.317.203.684)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	246.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.000.000)	(80.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	156.000.000	(80.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.328.976.082)	418.886.257
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.402.982.824	984.096.567
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	74.006.742	1.402.982.824

Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

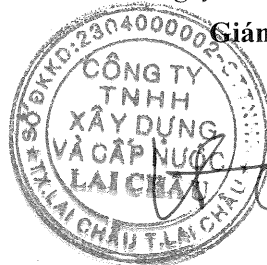
Giám đốc



Đỗ Thúy An



Đỗ Thúy An



Vi Văn Chung

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Xây dựng và Cấp nước Lai Châu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UB ngày 31/03/2004 của Ủy ban nhân dân Lâm thời tỉnh Lai Châu.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2304000002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần thứ nhất ngày 01/03/2006, thay đổi lần hai ngày 11/08/2014.

Trụ sở chính: Số 009, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 22 Phường Đông Phong - Thành phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2304000002 thay đổi lần thứ hai ngày 11/08/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất và cung cấp nước sạch, Xây dựng và lắp đặt hệ thống cấp nước, Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp, thoát nước, điện chuyên dụng, Xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ, công trình điện từ 0,4KV - 35KV, Vận hành, quản lý, khai thác công trình thủy điện.

Trong năm 2012, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất cung cấp nước sạch, Xây dựng các công trình dân dụng, hệ thống cấp nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-25
Máy móc và thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	68.104.784	2.642.155
Tiền gửi ngân hàng	5.901.958	1.400.340.669
Tổng	74.006.742	1.402.982.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khác	336.003.272	127.995.151
Tổng	336.003.272	127.995.151

5.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.680.000	33.680.000
Công cụ, dụng cụ	12.006.308	12.006.308
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.827.573.082	11.868.727.758
Hàng hoá	10.652.781.035	12.704.119.226
Tổng	22.526.040.425	24.618.533.292

5.4 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	775.478.559	866.938.409
Tăng	329.410.684	235.855.636
Phân bổ vào chi phí trong năm	573.592.946	327.315.486
Tại ngày 31 tháng 12	531.296.297	775.478.559
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	531.296.297	775.478.559
Tổng	531.296.297	775.478.559

5.5 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	669.314.044	988.149.477
Tổng	669.314.044	988.149.477

5.6 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	724.079.990	1.157.417.929
Tổng	724.079.990	1.157.417.929

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÁP NƯỚC LAI CHÂU
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Mẫu B 09-DN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	1.131.527.504	8.474.156.944	31.732.175.080	525.133.787	41.862.993.315
Tăng trong năm	138.879.309	419.901.817	-	120.899.091	679.680.217
Mua trong năm	138.879.309	419.901.817	-	120.899.091	679.680.217
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	1.270.406.813	8.894.058.761	31.732.175.080	646.032.878	42.542.673.532
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	71.747.458	3.667.425.104	4.725.097.175	321.713.282	8.785.983.019
Tăng trong năm	83.364.652	1.086.762.909	1.423.206.388	85.162.204	2.678.496.153
Khấu hao trong năm	83.364.652	1.086.762.909	1.423.206.388	85.162.204	2.678.496.153
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	155.112.110	4.754.188.013	6.148.303.563	406.875.486	11.464.479.172
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	1.059.780.046	4.806.731.840	27.007.077.905	203.420.505	33.077.010.296
Tại 31/12/2012	1.115.294.703	4.139.870.748	25.583.871.517	239.157.392	31.078.194.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	30.131.657.289	23.514.727.061
Tăng	5.122.478.490	9.507.912.907
Giảm trong năm	684.605.946	2.890.982.679
- Kết chuyển tài sản cố định	-	-
- Khác	684.605.946	2.890.982.679
Tại ngày 31 tháng 12	34.569.529.833	30.131.657.289
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhà máy nước tinh khiết	91.915.845	91.915.845
Xây dựng cơ bản Công trình Phong Thổ	13.869.400.636	13.869.400.636
Hệ thống cấp nước thị xã giai đoạn I	5.614.575.182	5.614.575.182
Hệ thống cấp nước thị xã giai đoạn II	10.645.186.535	10.555.765.626
Mua sắm Tài sản cố định	4.348.451.635	-
Tổng	34.569.529.833	30.131.657.289

5.9 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lai Châu	800.000.000	890.000.000
Tổng	800.000.000	890.000.000

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.910.192
Tổng	-	4.910.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền đền bù Giải phóng mặt bằng	-	146.795.774
Tiền đền bù Giải phóng mặt bằng	-	1.224.973.916
Tiền đền bù Giải phóng mặt bằng QL4D	-	-
Tiền đền bù di dời hệ thống cấp nước	-	715.716.925
Chi nhánh Phong Thổ	-	-
Tiền đền bù GPMB di chuyển hệ thống cấp Km31 - Km32	-	21.144.953
Tiền đền bù di chuyển hệ thống cấp nước tuyến 2 Nùng Nàng	-	105.529.921
Chi phí phải trả khác	130.439.381	(2.184.919)
Tổng	130.439.381	2.211.976.570

5.12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	65.944.787	63.136.701
Bảo hiểm xã hội	47.876.397	546.729.829
Bảo hiểm y tế	(19.256.185)	98.143.015
Bảo hiểm thất nghiệp	7.810.520	44.149.291
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	3.578.426.220	3.578.426.220
- Cấp nước sinh hoạt đường QL 4D qua trường PTDTNT- Chợ Trung Tâm, đang tạm ghi nhận do đang sử dụng nhưng chưa có quyết định bàn giao	607.154.866	607.154.866
- Lát vỉa hè và hệ thống cấp thoát nước Thị xã Lai Châu, tạm ghi nhận theo Hồ sơ quyết toán A-B năm 2007. Chưa có quyết định bàn giao	930.067.000	930.067.000
- Công trình Cấp nước sinh hoạt Khu dân cư số 4 chưa có Quyết định bàn giao	2.041.204.354	2.041.204.354
Tổng	3.680.801.739	4.330.585.056

5.13 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng tiền cho các công trình theo lệnh chuyển tiền từ ngân sách cho Nhà máy nước giai đoạn 1,2 do Công ty làm chủ đầu tư 4.200.000 đồng	4.200.000.000	4.200.000.000
Tạm ứng tiền cho các công trình theo lệnh chuyển tiền từ Ngân sách công trình Nhà máy nước giai đoạn 1, 2 do Công ty làm chủ đầu tư	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam	2.976.000.000	-
- Chi nhánh Lai Châu	-	-
Tổng	14.176.000.000	11.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn Đầu tư XDCB	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	24.620.771.604	33.074.719	38.142.546	43.999.380	23.043.329.907	47.779.318.156
Tăng trong năm	386.743.266	-	35.199.503	(3.651.529.305)	19.854.724.000	16.625.137.464
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	(3.651.529.305)	-	(3.651.529.305)
Tăng do bàn giao vốn	386.743.266	-	-	-	-	386.743.266
Trích lập các quỹ	-	-	35.199.503	-	-	35.199.503
Tăng vốn XDCB	-	-	-	-	19.854.724.000	19.854.724.000
Giảm trong năm	-	-	-	87.018.690	-	87.018.690
Giảm khác	-	-	-	87.018.690	-	87.018.690
Số dư tại 31/12/2011	25.007.514.870	33.074.719	73.342.049	(3.694.548.615)	42.898.053.907	64.317.436.930
Số dư tại 01/01/2012	25.007.514.870	33.074.719	73.342.049	(3.694.548.615)	42.898.053.907	64.317.436.930
Tăng trong năm	-	-	-	(2.086.872.588)	98.363.000	(1.988.509.588)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	(2.086.872.588)	-	(2.086.872.588)
Tăng vốn XDCB	-	-	-	-	98.363.000	98.363.000
Giảm trong năm	-	-	-	216.519.000	-	216.519.000
Giảm khác	-	-	-	216.519.000	-	216.519.000
Số dư tại 31/12/2012	25.007.514.870	33.074.719	73.342.049	(5.997.940.203)	42.996.416.907	62.112.408.342

5.15 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	11.458.733.398	10.459.249.386
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	11.369.098.234	364.887.700
Tổng	22.827.831.632	10.824.137.086

5.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	8.584.243.150	7.682.310.156
Giá vốn bán hàng cung cấp dịch vụ	10.810.306.602	393.124.450
Tổng	19.394.549.752	8.075.434.606

5.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.511.462	6.567.572
Tổng	5.511.462	6.567.572

5.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	216.532.153	117.465.555
Tổng	216.532.153	117.465.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.546.233.986	1.186.345.998
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	194.768.965	220.229.293
Thuế phí lệ phí	6.000.000	13.538.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	989.763.124	681.463.888
Chi phí bằng tiền khác	338.112.953	374.192.864
Tổng	3.074.879.028	2.475.770.443

5.20 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập khác		
Xử lý các khoản Chi phí phải trả	2.214.161.489	1.607.748.949
Xử lý các khoản Phải trả khác	-	624.643.344
Xử lý số dư Dự phòng trợ cấp mất việc làm	136.615.924	-
Thu nhập khác	186.014.006	399.645.684
Tổng	2.536.791.419	2.632.037.977
Chi phí khác		
Xử lý các khoản Chi phí SXKD dở dang	4.604.013.089	3.497.169.050
Xử lý các khoản Phải thu khác	49.305.000	970.813.460
Xử lý các khoản Chi phí XDCB dở dang	-	1.427.200.689
Xử lý Chi phí phải trả khác	23.649.919	-
Chi phí khác	-	396.298.137
Tổng	4.676.968.008	6.291.481.336
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(2.140.176.589)	(3.659.443.359)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens kiểm toán.

Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đỗ Thúy An



Đỗ Thúy An



Vì Văn Chung